TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2020
"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kiều Công Ích** và ông **Phạm Mạnh Cường**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ:*** Bà **Nguyễn Phương Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị H** - Sinh năm 1983
Nơi cư trú: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phọ.
Bị đơn: Anh **Quản Văn N** - Sinh năm 1982
Nơi cư trú: Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Chị H có mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Quản Văn N tự nguyện kết hôn ngày 15/12/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N (nay là xã Q), huyện T cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N còn sử dụng ma túy gia đình đã phải đưa đi cai nghiện tự nguyện, cuộc sống vợ chồng không có hạnh

phúc. Cuối năm 2013, anh N đã bỏ về ở nhà mẹ đẻ tại xã K, huyện T và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Quản Văn N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Quản Tuấn A; sinh ngày 29/9/2006, từ trước đến nay con chung vẫn ở với chị tại tại xã Q, huyện T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh N không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Quảng Văn N: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Quản Văn N vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Quản Văn N: Chị H và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm lối sống là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, cả hai cũng không cùng nhau khắc phục giải quyết mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án, lời trình bày của bà Ngô Thị C (là mẹ đẻ của anh N), thì thực tế đã nhiều năm quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh N không còn tồn tại, vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu cứ tiếp tục ràng buộc thì hôn nhân sẽ không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị H và anh N có với nhau 1 con chung, từ trước đến nay con chung vẫn do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, được chăm sóc học tập đầy đủ, mọi quyền lợi đều được đảm bảo. Còn phía anh N quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, do vậy để đảm bảo cho con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, được nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập đầy đủ nên

giao con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh N vắng mặt, chị H tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H trình bày không có, nhưng do anh N vắng mặt nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của chị Dương Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Quản Văn N.

- Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Quản Tuấn A; sinh ngày 29/9/2006, (con chung đang sống cùng chị H tại xã Q, huyện T). Anh Quản Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Dương Thị H phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2019/0002188 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã T, huyện P;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn